TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L **TỈNH VĨNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2023/HN-ST
Ngày: 13 - 3 - 2023
T/c về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn T

2. Bà Nguyễn Thị Lan P

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bé D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L tham gia phiên tòa:* (không tham gia).

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 383/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2022 tranh chấp về việc "*Ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-STHNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: *Bà Tôn Thị Kim N, sinh năm 1988 (có mặt)*

Nơi thường trú tại số 22, ấp Mỹ H, xã Mỹ P, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiến G.

Địa chỉ liên lạc số 17K/18, đường Dương Đình N, Phường 8, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: *Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1987 (vắng mặt)*

Nơi cư trú tại nhà số 35C, đường Nguyễn Chí T, Phường 5, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/9/2022 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Bà N và ông H quen biết nhau, có thời gian tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ P, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền G vào ngày 07/7/2010. Bắt đầu giữa năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông H không có trách nhiệm với gia đình, nhậu say mỗi ngày, không tìm việc làm để gánh vác chăm lo cho 03 con chung. Bà N nhiều lần góp ý, động viên nhưng ông H không sửa đổi. Mâu thuẫn kéo dài đến cuối năm 2019, vợ chồng ly thân cho đến nay. Bà N đi làm tại Thành Phố Hồ Chí Minh và cùng các con về sinh sống tại nhà mẹ ruột số 22, ấp Mỹ H, xã Mỹ P, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiến G. Nay bà N xác định không

còn tình cảm nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có 03 người con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 21/12/2010; Nguyễn Tấn L, sinh ngày 12/12/2012 và Nguyễn Trường P, sinh ngày 21/10/2014. Hiện tại bà N đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 người con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 03 người con chung.

- Về tài sản chung và nợ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Minh H vắng mặt các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ: Tòa án tống đạt văn bản tố tụng lần nhất vào ngày 02/11/2022 và lần hai vào ngày 20/12/2022 để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 21/11/2022 và phiên họp vào ngày 18/01/2023; thông báo kết quả công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 03/02/2023 nhưng ông H vắng mặt, không lý do và không có lời khai phản hồi vụ kiện nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có nộp tài liệu, chứng cứ gì mới để xuất trình. Bà N khai, hôn nhân này do tự quen biết nhau từ năm 2009, đến tháng 7 năm 2010 đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn. Bắt đầu trong năm 2019, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài và ly thân cho đến nay. Trong cuộc sống hôn nhân, ông H không có trách nhiệm cùng gánh vác chăm lo gia đình, thường nhậu say về nhà kiếm chuyện, được gia đình hai bên góp ý xây dựng nhưng không sửa đổi tính tình. Nay bà N không còn tình cảm, yêu cầu được ly hôn.

Đối với 03 người con chung, hiện tại sinh sống và được mẹ ruột hỗ trợ chăm sóc nuôi dưỡng, bà N đi làm nghề Nail tại Thành phố Hồ Chí Minh có thu nhập thấp nhất 10.000.000 đồng và cao nhất là 20.000.000 đồng/tháng đủ nuôi con ăn học. Khi ly hôn, yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ tài sản trong thời kỳ hôn nhân là không có và không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho điều này. Ông H vắng mặt nên không biết ý kiến ông H thế nào, nay tại phiên tòa bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ tài sản. Khi nào ông H có tranh chấp thì khởi kiện và chứng minh.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông H vắng mặt, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng lần thứ nhất vào ngày 03/02/2023; lần hai vào ngày 08/3/2023 để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 20/02/2023 và phiên tòa sơ thẩm lần hai ngày 13/3/2023 nhưng ông H vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L. Xét đây là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Ông H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo luật định.

[2]. Bà N và ông H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ P, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiến G là đã tuân thủ điều kiện kết hôn, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật

Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn 07/7/2010.

Về mâu thuẫn vợ chồng, bà N xác định do ông H không có trách nhiệm gia đình, bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính tình. Từ cuối năm 2019 đến nay, vợ chồng đã ly thân và bà N không còn tình cảm với ông H. Về phía ông H vắng mặt các phiên họp hòa giải, không có văn bản phản hồi nội dung thông báo thụ lý vụ án và thông báo kết quả hòa giải nên ông H phải chịu mọi hậu quả do không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, hôn nhân giữa bà N và ông H không thể đem đến sự quan tâm và yêu thương, cùng nhau xây dựng một gia đình đầm ấm và hạnh phúc. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, bà N yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung, hiện tại bà N đang chăm sóc nuôi dưỡng 03 người con chung và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của các cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 21/12/2010; Nguyễn Tấn L, sinh ngày 12/12/2012; Nguyễn Trường P, sinh ngày 21/10/2014 tại biên bản lời khai ngày 21/9/2022. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà N được tiếp tục nuôi 03 người con chung. Về cấp dưỡng, bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà N.

Bà N và ông H phải tuân thủ Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó"; "Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

- Về tài sản chung và nợ tài sản, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Vì vậy, bà N phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số N^0 0001565 ngày 17/10/2022 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L; Bà N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Ông H không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Áp dụng các Điều 56, 9, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14; các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tôn Thị Kim N.

- **Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa bà Tôn Thị Kim N và ông Nguyễn Minh H.

- Về con chung: Bà N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 21/12/2010; Nguyễn Tấn L, sinh ngày 12/12/2012 và Nguyễn Trường P, sinh ngày 21/10/2014. Ghi nhận tự nguyện của bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 03 con chung. Ông H được quyền tới thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ tài sản: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

II. Về án phí sơ thẩm: Bà N phải nộp tiền án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số N^0 0001565 ngày 17/10/2022 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L; Bà N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Ông H không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt bà N, vắng mặt ông H. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Đối với bà N được tính từ ngày tuyên án, riêng ông H được tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thu T

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS.ND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã, phường;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.